

Bản án số: 02/2024/HS-ST
Ngày: 15 - 01-2024.

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân

Các Hội thẩm N dân:

- Ông Hồ Hoàng Diệu
- Bà Dương Hiền Trúc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyền Trang - Thư ký Tòa án N dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án N dân thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Lê Thành N; tên gọi khác: Không; sinh ngày 10/01/1998, tại Cần Thơ; nơi đăng ký thường trú: Phường T, quận T, thành phố Cần Thơ; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Lê Văn N và bà Lưu Thị Bích L; sống chung như vợ chồng với Châu Thị Mỹ L; tiền án: không; tiền sự: không; N thân: Năm 2018 bị Công an quận T, thành phố Cần Thơ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây thương tích với mức tiền phạt 2.500.000 đồng. Bị bắt tạm giam từ ngày 24/5/2023 đến nay. Có mặt.

2. Nguyễn Anh V; tên gọi khác: Không; sinh ngày 14/12/1995, tại Cần Thơ; nơi đăng ký thường trú: Phường T, quận T, thành phố Cần Thơ; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo (Tại phiên tòa bị cáo khai không có); quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Nguyễn Anh T và bà Nguyễn Thị Bé C; tiền sự: không. Tiền án: Ngày 21/10/2020 bị Tòa án N dân quận B, thành phố Cần Thơ xử phạt 03 năm tù về tội cướp giật tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/10/2022. Bị bắt tạm giam từ ngày 24/5/2023 đến nay. Có mặt.

3. Nguyễn Nhựt H; tên gọi khác: Không; sinh ngày 23/5/2002, tại Cần

Thơ; nơi đăng ký thường trú: Phường T, quận T, thành phố Cần Thơ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Nguyễn An N và bà Nguyễn Thị G; tiền án: Không. Tiền sự: Ngày 27/01/2022 bị Công an phường T, quận T, thành phố Cần Thơ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với số tiền 1.500.000 đồng. Bị bắt tạm giam từ 24/5/2023 đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:*

1. Bà Phan Cẩm S, sinh năm: 1979. Có mặt.

Nơi cư trú: Phường L, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

2. Bà Trần Thị Bích T, sinh năm: 1987. Có mặt.

Nơi cư trú: Phường T.H, quận T, thành phố Cần Thơ.

3. Bà Lương Thị Mỹ H, sinh năm: 1998.

Nơi đăng ký thường trú: Phường T.A, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Nơi ở hiện nay: 962 beonji, Yeomi - ri, Jodo – myeon, Jindo-gun, Jeollanam-do.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Lương Văn T, sinh năm: 1974. (Theo Hợp đồng ủy quyền số 42 ngày 12/01/2024). Có mặt.

Nơi cư trú: Phường T.A, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Tuấn C, sinh năm 1989. Có mặt.

Nơi cư trú: Phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

2. Ông Lê Văn N, sinh năm 1971. Có mặt.

Nơi cư trú: Phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

3. Ông Nguyễn An T, sinh năm 1998. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

4. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1973. Có mặt.

Nơi cư trú: Phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài, các bị cáo Lê Thành N, Nguyễn Anh V, Nguyễn Nhựt H đã bàn bạc, thống nhất với nhau dùng phương tiện là xe mô tô chạy trên các tuyến đường của quận Ô, thành phố Cần Thơ cướp giật tài sản của người đi đường, bán lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân. Các bị cáo đã thực hiện 03

vụ cướp giật tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 17 giờ 15 phút ngày 28/02/2023, N điều khiển xe mô tô biển số 65K1-420.25 đến nhà Nguyễn Anh V rủ V đi cướp giật tài sản, V đồng ý như đã thỏa thuận trước. N và V tháo biển số xe mang cất nhằm tránh bị phát hiện. V điều khiển xe mô tô chở N chạy theo tuyến đường Thái Thị H thuộc khu vực L, phường T, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ thì phát hiện chị Phan Cẩm S đang điều khiển xe mô tô biển số 65E1-384.93 chở cháu Ngô Thị Minh T (con ruột chị S), trên cổ chị S có đeo một sợi dây chuyền vàng trọng lượng 05 chỉ vàng 18K và một mặt dây chuyền màu xanh từ hướng Thới Long chạy ra quốc lộ 91, V liền điều khiển xe chạy áp sát xe của chị S, N ngồi sau dùng tay phải giật sợi dây chuyền đang đeo trên cổ chị S rồi cả hai chạy rời khỏi hiện trường. Sau khi giật được sợi dây chuyền, N điều khiển xe chở V đến tiệm vàng H. T tại chợ T, quận T, thành phố Cần Thơ bán được 14.700.000 đồng. N chia cho V 7.350.000 đồng, N 7.350.000 đồng, cả hai đã tiêu xài hết.

Vụ thứ 2: Khoảng 16 giờ ngày 28/3/2023, N điều khiển xe mô tô biển số 68F2-0723 đến nhà Nguyễn Nhựt H và hỏi mượn xe mô tô biển số 65F1-691.43 của H để đi cướp giật tài sản cùng với V, H đồng ý giao xe cho N. N điều khiển xe đến nhà V rủ V đi cướp giật tài sản, V đồng ý. N và V tháo biển số xe ra để tránh bị phát hiện. V điều khiển xe chở N ngồi sau chạy đến khu vực T, phường L, quận Ô, thành phố Cần Thơ, trên đường đi phát hiện chị Lương Thị Mỹ H đang điều khiển xe mô tô biển số 65E1-445.66 phía sau chở ông OH JI YONG (chồng chị H), thấy chị H có đeo 01 túi xách bên hông, V điều khiển xe áp sát vào xe chị H, N ngồi sau giật lấy túi xách của chị H, V liền tăng ga tẩu thoát. Trên đường về, V dừng xe kiểm tra túi xách, phát hiện bên trong có 01 điện thoại Iphone 14Pro Max, màu tím, số tiền Việt Nam 600.000 đồng, 01 cây son môi và 01 tờ vé số. Lúc này, N lấy điện thoại và tiền, còn túi xách cùng cây son và tờ vé số N vứt bỏ trên đường. N chia cho V 400.000 đồng, N lấy điện thoại và 200.000 đồng. Đến sáng ngày 29/3/2023 N đem điện thoại Iphone 14 Pro Max đến bán tại tiệm T. Đ, phường T. H, quận T, thành phố Cần Thơ được 6.000.000 đồng, N đã tiêu xài cá N hết.

Vụ thứ 3: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 19/4/2023, N điều khiển xe mô tô biển số 68F2-0723 đến nhà của H rủ H đi cướp tài sản, H đồng ý. H điều khiển xe mô tô biển số 65F1-691.43 chở N ngồi phía sau chạy dọc theo tuyến đường quốc lộ 91 đến đường Thái Thị H thuộc Khu vực Long Định, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ thì phát hiện chị Trần Thị Bích T đang điều khiển xe mô tô biển số 65F1-123.46, trên cổ chị T có đeo 01 sợi dây chuyền vàng 18K, có trọng lượng 02 lượng, 05 chỉ, 09 phân, 06 ly. H điều khiển xe áp sát vào xe chị T, N ngồi sau giật lấy sợi dây chuyền trên cổ chị T, sợi dây chuyền đứt ra làm 03 đoạn, N giật lấy được 01 đoạn có trọng lượng 08 chỉ 06 phân 04 ly vàng 18K. Chị T nhặt lại được 02 đoạn dây chuyền có trọng lượng 01 lượng 07 chỉ 03 phân 02 ly vàng 18K. Đến ngày 20/4/2023, N đến tiệm vàng Q.C tại chợ T bán đoạn dây chuyền cướp giật được với giá 16.000.000 đồng. Khi có tiền N đến tiệm điện thoại T.Đ nhờ chuyển vào tài khoản của H với số tiền 7.000.000 đồng và

chuyển 1.000.000 đồng cho Nguyễn Văn N (chú của H) do H nhờ N chuyển trong số tiền được chia. Số tiền còn lại 8.000.000 đồng N đã tiêu xài hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 64/KL-HĐĐGTS ngày 20/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận Ô, thành phố Cần Thơ kết luận:

Tại thời điểm định giá ngày 28/02/2023, 01 sợi dây chuyền có trọng lượng 05 chỉ vàng 18K, trị giá 18.910.000 đồng. Mặt cẩm thạch không xác định giá trị.

Tại thời điểm định giá ngày 28/3/2023, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro max 256GB trị giá 25.000.000 đồng.

Tại thời điểm định giá ngày 19/4/2023, 01 sợi dây chuyền trọng lượng 02 lượng 05 chỉ 09 phân 06 ly vàng 18K, trị giá 103.061.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 146.971.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị Bích Tyêu cầu bồi thường 34.308.000 đồng, anh Lương Văn T đại diện hợp pháp cho chị Lương Thị Mỹ H yêu cầu bồi thường 25.000.000 đồng, chị Phan Cẩm S yêu cầu bồi thường 18.910.000 đồng. Gia đình bị cáo N đã nộp 50.000.000 đồng, gia đình bị cáo H đã nộp 25.000.000 đồng.

Vật chứng đã thu giữ trong quá trình điều tra gồm:

01 áo thun màu đen dài tay, trên ngực áo có chữ SPORTS;

01 áo sơ mi dài tay, sọc caro màu đỏ đen;

01 quần jean dài màu đen;

01 nón bảo hiểm loại nửa đầu màu trắng;

01 áo sơ mi dài tay, sọc caro màu đỏ - đen - trắng;

01 quần jean ống dài màu xanh nhạt;

01 áo thun màu đen dài tay, màu xám - xanh;

01 áo khoác dài tay màu đen, trên áo có dòng chữ BALEMCIAGA;

01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 006095 tên Nguyễn Nhựt H;

01 xe mô tô hiệu Honda, loại Sonic 150R, biển kiểm soát 65F1-69.143, màu sơn trắng - đen - đỏ; số máy KB11E1283464, số khung MH1KB1114MK283796;

01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 plus dung lượng 64GB màu vàng đồng, số IMEI 356111090711685;

01 xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, loại SatriaF, biển kiểm soát 65K1-420.25, màu đỏ - đen, số máy GGA11D202233, số khung MH8DL11AZKJ202105;

Tại Cáo trạng số 43/CT-VKS-P2 ngày 15/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đã truy tố Lê Thành N, Nguyễn Nhựt H về tội “Cướp giật tài sản” theo các điểm a, c, d khoản 2 Điều 171 và truy tố Nguyễn Anh V về tội “Cướp giật tài sản” theo các điểm a, c, d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa:

- Các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi như đã nêu trong nội dung cáo trạng và không có yêu cầu nhận lại quần áo, vật dụng đã bị thu giữ. Nói lời sau cùng các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Những người bị hại cùng thống nhất đề Hội đồng xét xử phân chia số tiền bị cáo N và bị cáo H nộp khắc phục hậu quả trên cơ sở trách nhiệm bồi thường của từng bị cáo theo quy định. Đối với số tiền thiệt hại còn lại ông Tính và bà S không yêu cầu bị cáo N và bị cáo V phải bồi thường thêm.

- Ông Lê Tuấn C xin được nhận lại xe máy biển kiểm soát 65K1-420.25.

- Bà Nguyễn Thị trình bày: Gia đình bà có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, sau khi biết bị cáo H phạm tội bà đã phải vay mượn họ hàng được số tiền 25.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, nếu trách nhiệm bồi thường của bị cáo H thấp hơn số tiền đã khắc phục bà xin được nhận số tiền còn lại. Đồng thời, bà xin được nhận lại xe máy biển kiểm soát 65F1 – 691.43 vì xe này do bà mua và để cho bị cáo H đứng tên đăng ký.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ rút phần truy tố theo điểm c khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo V, các phần khác đã truy tố theo nội dung cáo trạng vẫn giữ nguyên. Phân tích động cơ, mục đích, tính chất mức độ phạm tội của từng bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo phải chịu và được hưởng theo quy định của pháp luật. Đề nghị:

Áp dụng các Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a, c, d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo N, bị cáo H.

Áp dụng Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a, d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo V.

Xử phạt: Bị cáo N từ 05 đến 06 năm tù; bị cáo V từ 05 đến 06 năm tù; bị cáo H từ 04 đến 05 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy quần áo, vật dụng đã thu giữ của các bị cáo do không còn giá trị sử dụng; trả lại cho bị cáo H điện thoại di động Iphone 8plus; trả lại cho ông Cường xe máy biển kiểm soát 65K1-420.25. Tịch thu sung vào công quỹ xe máy biển kiểm soát 65F1 – 691.43 và giấy đăng ký xe máy này mang tên bị cáo H. Tịch thu lưu hồ sơ 03 ảnh chụp đoạn dây chuyền màu vàng; 03 ảnh chụp sợi dây chuyền chì Tdeo trên cổ; 01 giấy mua sợi dây chuyền tại tiệm vàng T.H; 01 giấy cân trọng lượng, 03 ảnh chụp sợi dây chuyền chì S đeo trên cổ trước khi bị cướp giật; 01 giấy đăng ký

kết hôn, 01 giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu của chị Lương Thị Mỹ H lưu hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận việc tự nguyện của ông T, bà S và bà T, theo đó bà T nhận số tiền 32.000.000 đồng. Số tiền còn lại từ tiền khắc phục hậu quả của bị cáo N để Hội đồng xét xử phân chia cho ông T và bà S. Ông T và bà S không có yêu cầu các bị cáo N và V phải tiếp tục bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vụ án có người bị hại là Lương Thị Mỹ H đang sinh sống tại Hàn Quốc nên thuộc thẩm quyền xét xử sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 2 Điều 268 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Ô , Cơ quan điều tra Công an thành phố Cần Thơ, Điều tra viên, Viện kiểm sát N dân quận Ô, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Căn cứ vào kết quả thu thập chứng cứ, lời trình bày của bị cáo, của người bị hại và những người tham gia tố tụng khác đủ cơ sở xác định:

[3.1] Các bị cáo Lê Thành N, Nguyễn Nhựt H, Nguyễn Anh V đã cùng thống nhất dùng xe máy đi cướp giật tài sản của các bị hại đang tham gia giao thông trên địa bàn quận Ô, thành phố Cần Thơ, cụ thể:

Lê Thành N, Nguyễn Anh V đã thực hiện việc giật của bà Phan Cẩm S 01 sợi dây chuyền vàng 18k có trọng lượng 05 chỉ cùng 01 mặt dây chuyền màu xanh vào ngày 28/02/2023; giật của bà Lương Thị Mỹ H 01 túi xách bên trong có 01 điện thoại Iphone 14 Pro Max màu tím, tiền Việt Nam 600.000 đồng, 01 cây son và 01 tờ vé số vào ngày 28/3/2023.

Lê Thành N, Nguyễn Nhựt H thực hiện việc giật của bà Trần Thị Bích T 01 sợi dây chuyền vàng 18k có trọng lượng 02 lượng, 05 chỉ, 09 phân, 06 ly. Khi giật do sợi dây chuyền bị đứt làm 03 đoạn, N chiếm đoạt được 01 đoạn, 02 đoạn còn lại bị rơi xuống đường, bà T nhặt lại được có tổng trọng lượng 01 chỉ, 07 phân, 02 ly.

[3.2] Tại bản kết luận định giá tài sản số 64/KL-HĐĐGTS ngày 20/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Ô, thành phố Cần Thơ kết luận:

Tại thời điểm định giá ngày 28/02/2023, 01 sợi dây chuyền có trọng lượng

05 chỉ vàng 18K, trị giá 18.910.000 đồng. Mặt cẩm thạch không xác định giá trị.

Tại thời điểm định giá ngày 28/3/2023, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro max 256GB trị giá 25.000.000 đồng.

Tại thời điểm định giá ngày 19/4/2023, 01 sợi dây chuyền trọng lượng 02 lượng 05 chỉ 09 phân 06 ly vàng 18K, trị giá 103.061.000 đồng.

[3.3] Hành vi sử dụng phương tiện xe gắn máy thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp “Dùng thủ đoạn nguy hiểm” là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

[3.4] Bị cáo Nguyễn Anh V có 01 tiền án về tội cướp giật tài sản với tình tiết định khung theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự, chưa được xóa án tích nên bị cáo còn phải chịu trách nhiệm hình sự về tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm theo điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

[3.5] Tài sản các bị cáo Lê Thành N, Nguyễn Nhựt H thực hiện chiếm đoạt có tổng giá trị trên 50.000.000 đồng nên các bị cáo N và H còn phải chịu trách nhiệm hình sự về tình tiết định khung theo điểm c khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

[3.6] Giá trị tài sản bị cáo V đã chiếm đoạt của bà S và bà H dưới 50.000.000 đồng. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát rút phần quyết định truy tố về việc áp dụng tình tiết định khung “chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” theo điểm c khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo V là phù hợp nên chấp nhận.

[3.7] Các bị cáo mặc dù có sự rủ rờ, thống nhất với nhau trước khi thực hiện hành vi phạm tội nhưng không mang tính chất câu kết chặt chẽ, không có người chỉ huy, cầm đầu để thực hiện hành vi phạm tội, thuộc dạng đồng phạm giản đơn. Do đó, không thống nhất với Viện kiểm sát về việc áp dụng tình tiết định khung phạm tội có tổ chức theo điểm a khoản 2 Điều 171 đối với các bị cáo.

[3.8] Từ những phân tích trên, có cơ sở để xác định hành vi của bị cáo Lê Thành N và bị cáo Nguyễn Nhựt H đã cấu thành tội cướp giật tài sản với tình tiết định khung theo điểm c, d khoản 2 Điều 171 và hành vi của bị cáo Nguyễn Anh V đã cấu thành tội cướp giật tài sản với tình tiết định khung theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi của các bị cáo thực hiện rất táo bạo và liều lĩnh, không những trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an mà còn có thể gây hậu quả khó lường đến sức khỏe, tính mạng của các bị hại và của những người tham gia giao thông nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Trong vụ án này, bị cáo N là người khởi xướng, rủ rờ và là người trực tiếp giật tài sản của các bị hại; các bị cáo H và V tham gia với vai trò tích cực. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo để có tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử còn xem xét về N thân, và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo như sau:

[5.1] Bị cáo N tham gia cả ba vụ cướp giật, bị cáo V tham gia 02 vụ (giật tài sản của bà S và bà H); bị cáo H ngoài việc cùng bị cáo N giật tài sản của bà Thủy, còn cho bị cáo N mượn xe máy biển kiểm soát 65F1-691.43 dù biết rõ bị cáo N sử dụng xe làm phương tiện đi giật tài sản của người khác nên bị cáo H phải chịu trách nhiệm hình sự với bị cáo V và bị cáo N với vai trò giúp sức trong vụ cướp giật tài sản của bà H. Vì vậy, các bị cáo đều phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5.2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều khai báo thành khẩn nên xét cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Gia đình bị cáo N đã nộp 50.000.000 đồng, gia đình bị cáo H đã nộp 25.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho những người bị hại nên xét cho các bị cáo N và H hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về phân trách nhiệm dân sự:

[6.1] Bị cáo N và bị cáo V đã thực hiện hành vi giật tài sản của bà S; bị cáo N và bị cáo H đã thực hiện việc giật tài sản của bà T. Số tiền có được từ tài sản chiếm đoạt bị cáo N đã chia đôi với bị cáo V và với bị cáo H, nên bị cáo N và bị cáo V phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bà S; đồng thời bị cáo N và bị cáo H phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bà Thủy. Trong đó trách nhiệm chính của từng bị cáo trong từng lần thực hiện hành vi phạm tội là như nhau.

[6.2] Sau khi giật được tài sản của bà H bị cáo V không hưởng lợi từ tài sản là điện thoại Iphone của bà H; bị cáo H chỉ cho bị cáo N mượn xe đi giật tài sản của bà H, không hưởng lợi từ tài sản giật được nên không buộc bị cáo H bồi thường cho bà H cùng với bị cáo N và bị cáo V. Tại phiên tòa, bị cáo N nhận trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà H và được bà H đồng ý.

[6.3] Theo đó, bị cáo N có trách nhiệm bồi thường cho bà H 25.000.000 đồng, bồi thường cho bà S 9.455.000 đồng, bồi thường cho bà T 17.154.000 đồng; bị cáo H có trách nhiệm bồi thường cho bà T 17.154.000 đồng và bị cáo V có trách nhiệm bồi thường cho bà S 9.455.000 đồng.

[6.4] Gia đình bị cáo H đã khắc phục số tiền 25.000.000 đồng, sau khi trừ số tiền bị cáo H phải bồi thường cho bà Thủy, số tiền còn lại là 25.000.000 đồng – 17.154.000 đồng = 7.846.000 đồng trả lại cho gia đình bị cáo H.

[6.5] Đối với số tiền 50.000.000 đồng gia đình bị cáo N đã nộp khắc phục hậu quả, tại phiên tòa các bị hại đồng ý phân chia cụ thể: bà T nhận 14.846.000 đồng; bà H nhận 21.000.000 đồng và bà S nhận 14.154.000 đồng. Các bị hại không yêu cầu bị cáo N và bị cáo V tiếp tục bồi thường nên ghi nhận.

[7] Về phần vật chứng:

- Xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, loại SatriaF150, biển kiểm soát 65K1-420.25 là của ông Lê Tuấn C, ông C cho bị cáo Lê Thành N mượn và không biết N sử dụng xe làm phương tiện đi cướp giật tài sản nên trả lại cho ông Cường.

- Xe mô tô hiệu Honda, loại Sonic 150R, biển kiểm soát 65F1-691.43 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 006095 tên Nguyễn Nhựt H, H sử dụng xe này để cùng N đi cướp giật tài sản nên tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước; không chấp nhận yêu cầu xin được nhận lại xe của bà Nguyễn Thị G.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 plus dung lượng 64GB màu vàng đồng, số IMEI 356111090711685 đã thu giữ của bị cáo H chưa chứng minh được có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

- Quần áo và nón bảo hiểm đã thu giữ của các bị cáo, tại phiên tòa các bị cáo không có yêu cầu nhận lại, xét thấy, giá trị sử dụng còn lại của các tài sản này không đáng kể nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với các hình ảnh và giấy tờ có liên quan đến tài sản (bản photo) do người bị hại giao nộp đã được Cơ quan điều tra lưu vào hồ sơ vụ án (có dấu bút lục) nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Do bị cáo H và bị cáo N đã nộp khắc phục hậu quả trước khi mở phiên tòa nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Lê Thành N, Nguyễn Anh V, Nguyễn Nhựt H phạm Tội “Cướp giật tài sản”.

1. Căn cứ: Các điểm c, d khoản 2 Điều 171; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Thành N 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/5/2023.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Nhựt H 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/5/2023.

2. Căn cứ: Các điểm d, i khoản 2 Điều 171; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Anh V 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/5/2023.

3. Căn cứ: Khoản 1 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

4. Về phân trách nhiệm dân sự:

Các bị hại được quyền liên hệ với Cơ quan Thi hành án để nhận lại số tiền các bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả, cụ thể:

Bà Trần Thị Bích T được nhận 32.000.000 (Ba mươi hai triệu) đồng (trong đó nhận từ tiền khắc phục hậu quả của bị cáo H là 17.154.000 (mười bảy triệu, một trăm năm mươi bốn nghìn) đồng, nhận từ tiền khắc phục hậu quả của bị cáo N 14.846.000 (mười bốn triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng);

Bà Lương Thị Mỹ H được nhận 21.000.000 (Hai mươi một triệu) đồng;

Bà Phan Cẩm S được nhận 14.154.000 (Mười bốn triệu, một trăm năm mươi bốn nghìn) đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lương Văn T (đại diện theo ủy quyền của bà Lương Thị Mỹ H) và bà Phan Cẩm S về việc không yêu cầu bị cáo V và bị cáo N phải bồi thường thêm.

5. Trả lại cho gia đình bị cáo H số tiền 7.846.000 (Bảy triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng.

6. Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho ông Lê Tuấn C 01 xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, số loại SatriaF150, biển kiểm soát 65K1-420.25, màu đỏ - đen, số máy GGA11D202233, số khung MH8DL11AZKJ202105;

- Trả lại cho bị cáo Lê Nhật H 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 plus dung lượng 64GB, màu vàng đồng, số IMEI 356111090711685;

- Tịch thu sung vào công quỹ nhà nước 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Sonic 150R, biển kiểm soát 65F1-691.43, màu sơn: trắng – đen – đỏ; số máy KB11E1283464, số khung MH1KB1114MK283796 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 006095 tên Nguyễn Nhật H.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 áo thun màu đen dài tay, trên ngực áo có chữ SPORTS; 01 áo sơ mi dài tay, sọc caro màu đỏ đen; 01 quần jean dài màu đen; 01 nón bảo hiểm loại nón nửa đầu màu trắng; 01 áo sơ mi dài tay, sọc caro màu đỏ - đen – trắng; 01 quần jean ống dài màu xanh nhạt; 01 áo sơ mi dài tay, màu xám xanh; 01 áo khoác dài tay màu đen, trên áo có dòng chữ BALEMCIAGA;

7. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

8. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Những đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng

đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại TP.HCM;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- CQĐT CATP Cần Thơ;
- Trại tạm giam CATPCT;
- Cục THADS TP. Cần Thơ;
- Người tham gia TT;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Thị Bích Vân